

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ

1. Lấy cao răng, đánh bóng định kỳ	400.000 - 500.000 VNĐ
2. Lấy cao răng, kiểm tra định kỳ, bôi flouride phòng ngừa sâu răng (cho trẻ)	800.000 VNĐ
3. Trám Sealant bít hố rãnh	500.000 VNĐ
4. Trám Composite/GIC	400.000 - 2.000.000 VNĐ
5. Lấy tuỷ răng	2.000.000 - 5.000.000 VNĐ
6. Nhổ răng & tiểu phẫu răng	
6.1 Răng đơn giản	800.000 - 1.200.000 VNĐ
6.2 Răng ở vị trí phức tạp	1.200.000 - 2.000.000 VNĐ
6.3 Nhổ răng ngầm/răng khôn	2.500.000 - 6.000.000 VNĐ
7. Hàm giả	
7.1 Hàm nền nhựa	Từ 1.000.000+ VNĐ
7.2 Hàm khung bộ	Từ 3.000.000+ VNĐ
7.3 Hàm toàn bộ	12.000.000 - 15.000.000 VNĐ
8. Mão răng	
8.1 Mão kim loại toàn diện	Liên hệ
8.2 Mão sứ kim loại	3.000.000 VNĐ
8.3 Mão toàn sứ	5.000.000 - 7.500.000 VNĐ
9. Mặt dán sứ	6.500.000 - 8.500.000 VNĐ
10. Implant và mão sứ	
10.1 Implant và mão sứ tiêu chuẩn	23.500.000 - 41.500.000 VNĐ
10.2 Cầu sứ toàn hàm trên implant nâng đỡ (All-on 4/5/6)	154.000.000 - 295.000.000 VNĐ
11. Tẩy trắng răng	
11.1 Tẩy trắng răng tại phòng khám	4.500.000 - 5.000.000 VNĐ
11.2 Tẩy trắng răng tại nhà với Zoom Nitewhite)	2.500.000 VNĐ
12. Niềng chỉnh răng	
12.1 Mắc cài kim loại	Từ 20.000.000+ VNĐ
12.2 Mắc cài thẩm mỹ /tự khoá	Cộng thêm 8.000.000 -12.000.000 VNĐ
12.3 Chỉnh nha với khay trong suốt (Invisalign / Clear Correct)	Từ 50.000.000+ VNĐ
12.4 Thiết lập kế hoạch điều trị 3D (Invisalign / Clear Correct)	3.000.000 - 5.000.000 VNĐ
12.5 Hàm duy trì	2.250.000/hàm
13. Chụp X quang nha khoa	
13.1 Phim kỹ thuật số toàn cảnh hoặc sọ nghiêng	250.000 VNĐ
13.2 Chụp cắt lớp	600.000 VNĐ/hàm

LƯU Ý:

- Giá chưa bao gồm thuế VAT.
- Biểu phí dịch vụ chỉ mang tính chất tham khảo. Phí này có thể thay đổi tùy theo tình trạng thực tế của từng khách hàng.
- Mọi khoản phí bổ sung cần thiết sẽ được thông báo cho khách hàng một cách minh bạch. Các bác sĩ chỉ thực hiện điều trị khi có sự xác nhận và đồng ý trước của khách hàng.